**QUY ĐỊNH**

**NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT TUYỂN VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2500 /QĐ-HĐXTVC ngày 13/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức Viện Dinh dưỡng)*

## I. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG XÉT TUYỂN

### 1. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

### 2. Nội dung xét tuyển:

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

*2.1. Vòng 1: kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn thí sinh dự tuyển, thu phí*

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

*2.2. Vòng 2: Kiểm tra năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển*

- Hình thức: phỏng vấn
- Thời gian: 30 phút
- Nội dung: gồm 03 phần
  + Phỏng vấn kiến thức chung
  + Phỏng vấn kiến thức theo chức danh nghề nghiệp
  + Phỏng vấn kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm
- Phân bố điểm:
  + Kiến thức chung: 30 điểm
  + Kiến thức theo chức danh nghề nghiệp: 20 điểm
  + Kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm: 50 điểm
- Quy trình phỏng vấn:

+ Người dự tuyển (thí sinh) bốc thăm câu hỏi gồm: câu hỏi chuyên môn, câu hỏi theo chức danh nghề nghiệp và hiểu biết kiến thức chung do Hội đồng đưa ra. Người dự tuyển chuẩn bị nội dung và trả lời với Ban kiểm tra sát hạch trong vòng 30 phút.

+ Ban kiểm tra sát hạch chấm điểm bằng Bảng chấm điểm theo đáp án và có thang điểm chi tiết đến 5 điểm.

Khi chấm điểm phỏng vấn, các thành viên Ban kiểm tra sát hạch chấm độc lập trên phiếu chấm điểm đối với từng thí sinh. Điểm phỏng vấn là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia chấm. Trường hợp các thành viên chấm điểm chênh lệch nhau từ 5 điểm trở lên đến dưới 10 điểm thì Trưởng ban kiểm tra sát hạch trao đổi lại với các thành viên tham gia chấm phỏng vấn, sau đó quyết định điểm phỏng vấn. Trường hợp các thành viên chấm điểm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở lên thì Trưởng ban kiểm tra sát hạch báo cáo để Chủ tịch Hội đồng xét tuyển tổ chức đối thoại giữa các thành viên tham gia chấm phỏng vấn, sau đó quyết định điểm phỏng vấn.

### 3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

*3.1. Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau:*

- Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

3.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả kết quả vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Viện trưởng quyết định người trúng tuyển.

3.3. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

3.4. Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định.

3.5. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

## II. CÁC TÀI LIỆU SỬ DỤNG PHỎNG VẤN

**1. Phần kiến thức chung (*áp dụng cho tất cả các vị trí thi tuyển*):**

1.1. Luật Viên chức năm 2010

*+ Chương 1 (Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5)*

*+ Chương II (Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17).*

1.2. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019

*+ Khoản 5 của Điều 2 và Khoản 7 của Điều 2.*

1.3. Luật Khám bệnh, chữa bệnh (tài liệu theo Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc hội).

*+ Chương 1 (Điều 2, Điều 3, Điều 6).*

*+ Chương 2 (Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13).*

1.4. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Dinh dưỡng (Ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-BYT ngày 27/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Y tế).

*+ Chương 1 (Điều 1).*

*+ Chương 2 (Điều 6, Điều 7)*

*+ Chương 3 (Điều 11, Điều 14)*

*+ Chương 4 (Điều 17, Điều 19, Điều 21).*

**2. Phần kiến thức theo nhóm chức danh nghề nghiệp:** ***(áp dụng theo ngạch viên chức)***

***2.1. Bác sĩ (Bác sĩ khám và tư vấn dinh dưỡng)***

2.1.1. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ:

*+ Chương 1 (Điều 3).*

*+ Chương 2 ( Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 9)*

*+ Chương 3 ( Điều 11, Điều 12)*

2.1.2. Luật Khám bệnh, chữa bệnh (tài liệu theo Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc hội):

*+ Chương 3 (Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40).*

*+ Chương 5 (Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57).*

***2.2. Dược sĩ***

2.2.1. Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược:

*+ Chương 1 (Điều 3).*

*+ Chương 2 (Điều 4, Điều 5, Điều 6)*

*+ Chương 3 ( Điều 8, Điều 9).*

2.2.2. Luật Dược năm 2016:

*+ Chương 1 (Điều 6)*

*+ Chương 3 (Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 30, Điều 31).*

***2.3. Nghiên cứu viên***

2.3.1. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKHCN ngày 24/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ:

*+ Chương 1 (Điều 3)*

*+ Chương 2 (Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7).*

2.3.2. Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (tài liệu theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội):

*+ Chương 1 (Điều 4, Điều 5, Điều 8).*

*+ Chương 2 (Điều 13, Điều 14)*

*+ Chương 3 (Điều 20, Điều 21, Điều 2)*

2.3.3. Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017:

*+ Chương 1 (Điều 3, Điều 12).*

*+ Chương 3 (Điều 25, Điều 26).*

*+ Chương 4 (Điều 45, Điều 46, Điều 47).*

2.3.4. Luật An toàn Thực phẩm năm 2010 (Tài liệu theo Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội):

*+ Chương 1 (Điều 3 ).*

*+ Chương 8 (Điều 45, Điều 46, Điều 49, Điều 50).*

***2.4. Chuyên viên***

2.4.1. Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính:

*+ Chương 1 (Điều 4).*

*+ Chương 2 (Điều 5, Điều 6, Điều 7).*

2.4.2. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư:

*+ Chương 1 (Điều 3)*

*+ Chương 2 (Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 13).*

2.4.3. Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên ban hành kèm the Quyết định số 2721/QĐ-BNV ngày 28/1/22019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

*+ Chuyên đề 15: Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý nhà nước*

*+ Chuyên đề 16: Kỹ năng viết báo cáo*

2.4.4. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Dinh dưỡng trực thuộc Bộ Y tế (Ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-BYT ngày 27/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Y tế):

*+ Chương 2 (Điều 6, Điều 7)*

*+ Chương 3 (Điều 11, Điều 14)*

*+Chương 4 (Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22).*

*+Chương 5 (Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26).*

***2.5. Kế toán viên***

2.5.1. Thông tư số 77/2019/BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ:

*+ Chương 1 (Điều 4)*

*+ Chương 2 (Điều 5, Điều 6, Điều 7)*

2.5.2. Luật Kế toán năm 2015 (sử dụng tài liệu tại Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội):

*+ Chương 1 (Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 13)*

***2.6. Điều dưỡng cao đẳng***

* Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y:

*+ Chương 1 (Điều 3).*

*+ Chương 2 (Điều 4, Điều 5, Điều 6).*

***2.7. Trợ lý nghiên cứu***

2.7.1. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKHCN ngày 24/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ:

*+ Chương 1 (Điều 3)*

*+ Chương 2 (Điều 6, Điều 7).*

2.7.2. Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (tài liệu theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội):

*+ Chương 1 (Điều 4, Điều 5, Điều 8).*

*+ Chương 2 (Điều 13, Điều 14)*

*+ Chương 3 (Điều 20, Điều 21)*

***2.8. Dinh dưỡng hạng IV***

* Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng:

*+ Chương 1 (Điều 3)*

*+ Chương 2 (Điều 4, Điều 5, Điều 6).*

***2.9. Kỹ thuật Y (xét nghiệm vi sinh)***

* Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y:

*+ Chương 1 (Điều 3)*

*+ Chương 2 (Điều 10, Điều 11, Điều 12).*

**3. Phần kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm:** ***(Áp dụng theo từng vị trí việc làm)***

***3.1. Tài liệu dành cho vị trí "Bác sĩ khám và tư vấn dinh dưỡng".***

3.1.1. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài 5, 6, 10*

3.1.2. Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em (Viện Dinh dưỡng). NXB Dân trí 2015

+ *Chương I: Dinh dưỡng cơ bản (Bài 1, 2, 3)*
+ *Chương II: Dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em (Bài 5, 6, 7, 8)*
+ *Chương III: Gánh nặng kép về dinh dưỡng (Bài 10, 11, 13)*
+ *Chương IV: Các can thiệp và chăm sóc dinh dưỡng (Bài 17, 19)*

***3.2. Tài liệu dành cho vị trí 'Dược sĩ'.***

3.2.1. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài (1,2,5,6,12)*

3.2.2. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.3. Tài liệu dành cho vị trí "Nghiên cứu viên Dinh dưỡng cộng đồng"***

3.3.1. Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng (Viện Dinh dưỡng) NXB Y học năm 2012

+ *Phần II: Đánh giá tình hình dinh dưỡng cộng đồng (Chương 1, 3, 4, 5)*

3.3.2. Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em (Viện Dinh dưỡng). NXB Dân trí 2015

+ *Chương II: Dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em (Bài 5, 7, 8)*
+ *Chương III: Gánh nặng kép về dinh dưỡng (Bài 10, 11,13)*
+ *Chương V: Tư vấn và truyền thông giáo dục dinh dưỡng (Bài 23, 24)*

***3.4. Tài liệu dành cho vị trí "Nghiên cứu viên Giám sát cộng đồng"***

3.4.1. Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng (Viện Dinh dưỡng) NXB Y học năm 2012

+ *Phần II: Đánh giá tình hình dinh dưỡng cộng đồng (Chương 1, 3, 4, 5)*

3.4.2. Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em (Viện Dinh dưỡng). NXB Dân trí 2015

+ *Chương II: Dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em (Bài 5, 6, 7, 8)*
+ *Chương III: Gánh nặng kép về dinh dưỡng (Bài 10, 11, 13)*
+ *Chương IV: Các can thiệp và chăm sóc dinh dưỡng (Bài 17,22)*

***3.5. Tài liệu dành cho vị trí "NCV Công nghệ sinh học"***

3.5.1. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài (2,3,4,6,12)*

3.5.2. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.6. Tài liệu dành cho vị trí "NCV Công nghệ thực phẩm"***

3.6.1. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài (1,2,3,4,6,13)*

3.6.2. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.7. Tài liệu dành cho vị trí "NCV Dinh dưỡng ngành nghề"***

3.7.1. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài (1,2,3,5,6,10)*

3.7.2 Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.8. Tài liệu dành cho vị trí "NCV Hóa sinh và chuyển hóa dinh dưỡng"***

3.8.1. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài (1,2,5,6,10,12)*

3.8.2. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.9. Tài liệu dành cho vị trí "NCV Phân tích vi chất dinh dưỡng"***

3.9.1. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài (1,2,3,4,6)*

3.9.2. Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em (Viện Dinh dưỡng). NXB Dân trí 2015

+ *Chương III: Gánh nặng kép về dinh dưỡng (Bài 12, 13, 14)*

3.9.3. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.10. Tài liệu dành cho vị trí "Chuyên viên Chỉ đạo tuyến"***

3.10.1.Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (ĐH Y Hà Nội). NXB Giáo dục Việt Nam. Năm 2010

+ *Bài (1,2,5,6,12)*

3.10.2.Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.11. Tài liệu dành cho vị trí "Chuyên viên Kế hoạch tổng hợp"***

3.11.1.Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

3.11.2.Phương pháp xây dựng kế hoạch, quản lý, theo dõi và đánh giá các dự án can thiệp dinh dưỡng ở cộng đồng. Viện Dinh dưỡng. Nhà xuất bản Y học. 2005

+ *Phần (1, 2, 3)*

***3.12. Tài liệu dành cho vị trí "Chuyên viên Vật tư quản trị"***

3.12.1.Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

+ *Chương 3 (Điều 37, Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 45, Điều 46).*

3.12.2. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.13. Tài liệu dành cho vị trí "Chuyên viên Phát triển sản phẩm dinh dưỡng"***

3.13.1. Luật an toàn thực phẩm 2010

+ *Chương 2. (Điều 7).*

+ *Chương 3. ( Điều 10, Điều 13, Điều 14).*

+ *Chương 4. ( Điều 19)*

+ *Chương 8. ( Điều 45, Điều 46, Điều 50, Điều 51).*

+ *Chương 9. (Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 60).*

3.13.2. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.14. Tài liệu dành cho vị trí "Kế toán viên"***

3.14.1. Luật Kế toán năm 2015 (sử dụng tài liệu tại Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội):

+ *Chương 2 (Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 29, Điều 40, Điều 51).*

3.14.2. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp:

+ *Chương II (Điều 3, Điều 4, Điều 7)*

3.14.3. Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030

+ *Quan điểm, định hướng*
+ *Mục tiêu*
+ *Các giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược*

***3.15. Tài liệu dành cho vị trí "Điều dưỡng cao đẳng"***

* Hướng dẫn chế độ ăn bệnh viện (Bộ Y tế). NXB Y học. 2016

+ *Phần I. Những căn cứ xác định nguyên tắc xây dựng chế độ ăn bệnh viện*
+ *Phần II. Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh (Mục A – 1, 2, 3, 4, 5; Mục B – 1, 2)*

***3.16. Tài liệu dành cho vị trí "Trợ lý nghiên cứu"***

* Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng(Viện dinh dưỡng). NXB Y học năm 2012

+ *Phần II: Đánh giá tình hình dinh dưỡng cộng đồng (Chương 1, 3, 4, 5)*

***3.17. Tài liệu dành cho vị trí "Dinh dưỡng hạng IV"***

* Hướng dẫn chế độ ăn bệnh viện (Bộ Y tế). NXB Y học. 2016

+ *Phần I. Những căn cứ xác định nguyên tắc xây dựng chế độ ăn bệnh viện*
+ *Phần II. Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh (Mục A – 1, 2, 3, 4, 5; B – 1, 2)*

***3.18. Tài liệu dành cho vị trí Kỹ thuật Y (xét nghiệm vi sinh)***

* Kỹ thuật xét nghiệm Vệ sinh An toàn thực phẩm. Đào tạo KTV xét nghiệm vi sinh nâng cao. Bộ Y tế. NXB Y học 2012.

+ *Bài (1,2, 3, 4, 5)*

**Lưu ý:**

- *Các ứng viên nghiên cứu, tham khảo tài liệu trên để ôn xét tuyển viên chức ở vòng 2 theo quy định.*
- *Ứng viên tự tìm tài liệu để ôn thi (hoặc) tham khảo trên Website của Viện Dinh dưỡng (danh mục tài liệu xét tuyển).*